

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 17/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Long Phú về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương huyện Long Phú năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Long Phú, tại Tờ trình số 2092/TTr-PTCKH ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của huyện Long Phú, chi tiết đính kèm các mẫu theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

Vmm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Đức

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	648.029
I	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	<u>52.250</u>
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	3.200
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	49.050
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	517.283
-	Thu bổ sung cân đối	503.575
-	Thu bổ sung có mục tiêu	13.708
III	Thu kết dư	78.496
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	648.029
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	<u>639.571</u>
1	Chi đầu tư phát triển	43.109
2	Chi thường xuyên	584.024
3	Dự phòng ngân sách	12.438
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	8.458
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	8.458
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	<u>NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN</u>	
I	Nguồn thu ngân sách	648.029
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	52.250
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	517.283
-	Thu bổ sung cân đối	503.575
-	Thu bổ sung có mục tiêu	13.708
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	78.496
II	Chi ngân sách	648.029
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	569.404
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	78.625
-	Chi bổ sung cân đối	78.625
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	<u>NGÂN SÁCH XÃ</u>	
I	Nguồn thu ngân sách	78.625
1	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp	2.622
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	76.003
-	Thu bổ sung cân đối	76.003
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	78.625

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị : Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	64.800	52.250
I	Thu nội địa	64.800	52.250
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	13.000	12.950
5	Thuế thu nhập cá nhân	9.000	9.000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	10.200	10.200
8	Thu phí, lệ phí	2.600	1.400
	Trong đó: Thu phí và lệ phí cấp huyện và các xã, thị trấn	1.400	1.400
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	5.500	5.500
12	Thu tiền sử dụng đất	19.000	11.400
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	5.500	1.800
17	Thu quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG SỐ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	570.277	491.652	78.625
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	570.277	491.652	78.625
I	Chi đầu tư phát triển	67.466	67.466	
1	Chi đầu tư cho các dự án	67.466	67.466	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	0		
-	Chi khoa học, công nghệ			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	12.000	12.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	30.850	30.850	
2	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	492.607	413.982	78.625
	Trong đó:	0		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	274.560	274.560	
2	Chi khoa học, công nghệ	0		
III	Dự phòng ngân sách	10.204	10.204	
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	654.029
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	78.625
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	575.404
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	49.109
1	Chi đầu tư cho các dự án	49.109
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi kiến thiết thị chính	
1.4	Chi văn hoá thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi khác	
1.11	Chi đảm bảo xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	505.654
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo & dạy nghề	337.772
2	Chi quốc phòng địa phương	1.946
3	Chi an ninh trật tự	306
4	Chi y tế	804
5	Chi văn hóa thông tin	1.590
6	Chi đài truyền thanh	1.304
7	Chi thể dục thể thao	863
8	Chi bảo vệ môi trường	2.532
9	Chi các hoạt động kinh tế	45.043
10	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	55.484
11	Chi đảm bảo xã hội	49.002

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024

của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYẾN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYẾN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	654.029	49.109	575.047	12.438	8.977	8.458	0	8.458	0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	535.427	49.109	497.196	0	0	8.458	0	8.458	0
1	Văn phòng Huyện uỷ	16.928		16.928						
2	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị	1.337		1.337						
3	Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc	1.757		1.757						
4	Đoàn TNCS HCM	875		875						
5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	1.262		1.262						
6	Hội Nông dân	1.263		1.263						
7	Hội Cựu chiến binh	826		826						
8	Hội Chữ Thập đỏ	533		533						
9	Hội Khuyến học	167		167						
10	Ban Đại diện Người cao tuổi	215		215						
11	Hội Nạn nhân chất độc da cam và Hội CSCM bị DB tù đây	319		319						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KẾ CHƯNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Hội Đồng y	215		215						
13	Trung Tâm GD nghề nghiệp - GDTX	2.804		2.804						
14	Trung tâm văn hóa - Thể thao - Truyền thanh	3.757		3.757						
-	Trung tâm văn hóa	1.590		1.590						
-	Trung Tâm Thể dục - thể thao	863		863						
-	Đài Truyền Thanh	1.304		1.304						
15	Văn phòng HDND và UBND	11.095		11.095						
16	Phòng Tài chính - Kế hoạch	1.804		1.804						
17	Phòng Tư pháp	1.095		1.095						
18	Thanh tra huyện	1.141		1.141						
19	Phòng Dân tộc	840		840						
20	Phòng Văn hóa và Thông tin	1.039		1.039						
21	Phòng Nội vụ	1.394		1.394						
22	Phòng Lao động - TB và XH	1.486		1.486						
-	Quản lý Nhà nước	1.484		1.484						
23	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10.149		10.149						
-	Quản lý Nhà nước	1.349		1.349						
-	KP đào tạo cán bộ HTX	300		300						
-	Sư nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	8.500		8.500						
24	Phòng Tài nguyên và Môi trường	3.180		3.180						
-	Quản lý nhà nước	1.450		1.450						
-	Kinh phí sự nghiệp môi trường	1.730		1.730						
25	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.349		2.349						
-	Quản lý Nhà nước	1.573		1.573						
	Sư nghiệp kinh tế khác	776		776						
+	Sư nghiệp giao thông	700		700						

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THUỒNG XUYẾN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THUỒNG XUYẾN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
+	Sự nghiệp khuyến công, khuyến ngư, khuyến nông	76		76						
26	Phòng Giáo dục và Đào tạo	332.955		332.955						
-	Quản lý nhà nước	1.861		1.861						
-	Kinh phí sự nghiệp Giáo dục	331.094		331.094						
-	Sự nghiệp Giáo dục (các chế độ chính sách theo quy định)	0								
27	BCH Quân sự huyện	1.956		1.956						
28	Công an huyện	316		316						
29	Sự nghiệp Y tế (Trung tâm Y tế)	804		804						
30	KP ứng dụng CNTT	200		200						
31	Kinh phí thực hiện không khoán	4.300		4.300						
32	Kinh phí đào tạo cán bộ khác chưa phân khai	2.237		2.237						
33	Chi SN kiến thiết thị chính	10.000		10.000						
34	SN kinh tế khác (tiền điện thấp sáng 2 thị trấn)	1.000		1.000						
35	SN kinh tế khác (Quy hoạch)	5.000		5.000						
36	SN kinh tế điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2026 của huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Điều 63 Luật Đất đai).....)	1.950		1.950						
37	SN Kinh tế (Kinh phí nộp trả tỉnh Nạo vét kênh bằng long đoạn từ kênh 96 đến kênh Bà xảm)	4.800		4.800						
38	SN kinh tế khác (Chưa phân khai)	4.128		4.128						

**DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

[illegible]

**DỰ TOÁN CHI THUỒNG XUYỀN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHỌ TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

TRONG ĐÓ														
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ & SNNIT	CHI Y TẾ DÂN SỐ VÀ GIÁ ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH THÔNG TÂN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI QUỐC PHONG - AN NINH	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI ĐÀM BẢO XÃ HỘI
											CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, KHUYẾN CÔNG, THỦY LỢI, THỦY SẢN		
26	Hội Người cao tuổi	215											215	
27	Hội Nạn nhân CEDDC và Hội CSCM BDBTD	319											319	
28	Hội Đồng Y	215											215	
29	BCH Quân sự huyện	1.956							1.956					
30	Công an huyện	316							316					
31	Ban Quản lý dự án đầu tư XD CB	17.916							17.916					

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI CỦA NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 293/QĐ-UBND ngày 30/12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Long Phú)

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã hưởng theo phân cấp				Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra						
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia					
A	B	2	3	4	5	6	7	8	9	
	TỔNG SỐ	7.281	2.715	449	2.266	74.809	0	0	77.524	
1	Long Đức	242	133	40	93	6.874			7.007	
2	Song Phụng	165	85	15	70	5.964			6.049	
3	Phú Hữu	76	42	15	27	6.122			6.164	
4	Hậu Thạnh	96	57	35	22	6.481			6.538	
5	Châu Khánh	100	62	30	32	6.133			6.194	
6	Trương Khánh	887	457	100	357	7.279			7.736	
7	Long Phú	130	71	25	46	8.576			8.646	
8	Tân Hưng	360	178	29	149	7.317			7.495	
9	Tân Thạnh	320	178	45	133	7.100			7.278	
10	Thị trấn Đại Ngãi	2.580	774	60	714	5.671			6.445	
11	Thị trấn Long Phú	2.325	679	55	624	7.293			7.972	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Ước giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2024				Lấy kế vốn đã bỏ từ đến 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Ghi chú	
					Tổng mức đầu tư được duyệt				Chưa theo nguồn vốn				Chưa theo nguồn vốn				Chưa theo nguồn vốn					
					Số quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư	Tổng số (tính cả các nguồn vốn)			Tăng số	Chưa theo nguồn vốn			Tăng số	Chưa theo nguồn vốn			Tăng số	Chưa theo nguồn vốn				
						Người nước	NSTW	NSDP		Người nước	NSTW	NSDP		Người nước	NSTW	NSDP		NSH	BSC có MT từ nguồn CNGSP	BSC có MT từ nguồn XSST		Nguồn kế dư, thu vơi
4	Nâng cấp, cải tạo kênh mương vận chuyển Bùn Tó chôn và nhà nghỉ công vụ	TT Long Phú	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục và mua sắm thiết bị	2025	304/QĐ-UBND, 2011/2024	873		873									825		825			
5	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường các xã Long Đức, Phú Hòa, huyện Long Phú	Xã Long Đức, Phú Hòa	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục và mua sắm thiết bị	2025	307/QĐ-UBND, 2011/2024	1.229		1.229									1.150		1.150			
6	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường các xã Tân Hưng, Tân Thành, Châu Khánh, huyện Long Phú	Xã Tân Thành, Tân Hưng, Tân Thành, Châu Khánh	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục và mua sắm thiết bị	2025	306/QĐ-UBND, 2011/2024	1.133		1.133									1.050		1.050			
7	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường thị trấn Long Phú, xã Long Phú, huyện Long Phú	TT Long Phú, xã Long Phú	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục và mua sắm thiết bị	2025	305/QĐ-UBND, 2011/2024	1.322		1.322									1.250		1.250			
8	Cải tạo, nâng cấp hội trường Huyện Long Phú	TT Long Phú	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục và mua sắm thiết bị	2025	301/QĐ-UBND, 2011/2024	1.961		1.961									1.800		1.800			Tên SDD
9	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường các xã Trường Khánh, Hòa Thuận, Sông Phông, thị trấn Dâu Ngai, huyện Long Phú	Ngã 3 và các xã Trường Khánh, Hòa Thuận	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục và mua sắm thiết bị	2025	302/QĐ-UBND, 2011/2024	1.556		1.556									1.327		1.327			Tên SDD
10	SANB khu hành chính UBND xã Tân Thành, huyện Long Phú	Xã Tân Thành	Sơn lập mặt bằng, đường vào	2025	300/QĐ-UBND, 2011/2024	3.075		3.075									2.700		2.700			Tên SDD
C	VĂN HÓA, THÔNG TIN					1.202	0	1.202	0	0	0	0	0	0	0	0	1.050	0	1.050	0	0	0
I	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Long Phú					1.202	0	1.202	0	0	0	0	0	0	0	0	1.050	0	1.050	0	0	0
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.202	0	1.202	0	0	0	0	0	0	0	0	1.050	0	1.050	0	0	0
I	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường huyện Long Phú	TT Long Phú	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục	2025	308/QĐ-UBND, 2011/2024	1.202		1.202									1.050		1.050			Tên SDD
D	GAO THÔNG					12.166	0	12.166	0	0	0	0	7.166	0	0	0	7.166	0	2.605	0	2.605	0
I	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Long Phú					12.166	0	12.166	0	0	0	0	7.166	0	0	0	7.166	0	2.605	0	2.605	0
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					12.166	0	12.166	0	0	0	0	7.166	0	0	0	7.166	0	2.605	0	2.605	0
I	Đường đầu nối công an Kiên Mỹ và Sông Phông, huyện Long Phú	Xã Sông Phông	Tổng chiều dài 21,2m (cán nối dài 6,2m, K85, độ dài 4 km, đường địa)	2024-2025	083/QĐ-UBND, 15/5/2024	12.166		12.166	7.166				7.166				7.166		2.605		2.605	
D	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ KHÁC					1.188	0	1.188	0	0	0	0	0	0	0	0	1.050	0	1.050	0	0	0
I	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Long Phú					1.188	0	1.188	0	0	0	0	0	0	0	0	1.050	0	1.050	0	0	0
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.188	0	1.188	0	0	0	0	0	0	0	0	1.050	0	1.050	0	0	0
I	1 hệ thống đèn chiếu sáng Đường tỉnh 934H, huyện Long Phú	Xã Tân Thành và xã Long Phú	Chiều dài lắp đặt hệ thống chiếu sáng khoảng 1,85km (điểm thuộc xã Tân Thành 1.017m, điểm thuộc xã Long Phú 838m)	2025	309/QĐ-UBND, 2011/2024	1.188		1.188									1.050		1.050			

[illegible]

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian hoàn thành công - nghệ, chủng, nam ban hành	Quyết định đầu tư				Ước giá trị khác hàng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2024				Lập kế toán chi phí từ đầu 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025				Chi tiêu			
					Tổng mức đầu tư được duyệt				Vốn đầu tư khác hàng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2024				Lập kế toán chi phí từ đầu 31/12/2024				Kế hoạch vốn năm 2025							
					Chi tiêu nguồn vốn				Chi tiêu nguồn vốn				Chi tiêu nguồn vốn				Kế hoạch vốn năm 2025							
					Tổng số (tính các nguồn vốn)	Ngài nước	NSTW	NSDP	Nhau dân đang góp	Tổng số	Ngài nước	NSTW	NSDP	Tổng số	Ngài nước	NSTW	NSDP	Tổng số	NSTW	NSH		BS có MT từ nguồn CBNSTP	BS có MT từ nguồn XSXT	Ngành từ thu vớt
B	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QLNN, BÊN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI					52.500	0	0	52.500	0	18.388	0	0	18.388	18.388	0	0	18.388	31.500	0	25.500	6.000	0	0
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lương Pù					52.500	0	0	52.500	0	18.388	0	0	18.388	18.388	0	0	18.388	31.500	0	25.500	6.000	0	0
	Dự án khác công mới trong giai đoạn 2021-2025					52.500	0	0	52.500	0	18.388	0	0	18.388	18.388	0	0	18.388	31.500	0	25.500	6.000	0	0
1	Khai thác mỏ và các phòng ban và Trụ sở UBND huyện Lương Pù	TT Lương Pù	XĐM nhà làm việc (04 tầng: SLMB, diện tích 2.869,1m ² và các hạng mục khác	2023-2025	40/QĐ-UBND, 15/02/2023	33.000			33.000		18.388			18.388	18.388			18.388	13.223		13.223			
2	Trụ sở Đảng ủy - UBND - UBND xã Tân Thành, huyện Lương Pù	Xã Tân Thành	207,00m ² tầng trệt và tầng 1 (02 tầng, diện tích sàn 663,3 m ²), SLMB, tầng trệt và tầng 1, sân	2024-2025	19/QĐ-UBND, 25/02/2024	7.478			7.478						7.350			1.350	6.000					
3	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị nhà làm việc và nhà ăn huyện Uy Lương Pù	TT Lương Pù	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	873			873						825			825						
4	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị nhà làm việc và nhà ăn huyện Uy Lương Pù	TT Lương Pù	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	873			873						825			825						
5	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường các xã Lương Đức, Pù Hưu, huyện Lương Pù	Xã Lương Đức, Pù Hưu, huyện Lương Pù	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	1.229			1.229						1.150			1.150						
6	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường các xã Tân Hưng, Tân Thành, Chăm Khánh, huyện Lương Pù	Hưng, Tân Thành, Chăm Khánh, huyện Lương Pù	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	1.133			1.133						1.050			1.050						
7	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường thị trấn Lương Pù, xã Lương Pù, huyện Lương Pù	TT Lương Pù, xã Lương Pù, huyện Lương Pù	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	1.322			1.322						1.250			1.250						
8	Cải tạo, nâng cấp khu trường Huyện Uy Lương Pù	TT Lương Pù	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	1.961			1.961						1.800			1.800						
9	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa, hội trường các xã Trường Khánh, huyện Huyện Thanh, huyện Lương Pù	Ngài và các xã Trường Khánh, huyện Huyện Thanh, huyện Lương Pù	Nâng cấp, sửa chữa các thiết bị	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	1.556			1.556						1.327			1.327						
10	SLMB ban hành chính (UBND) xã Tân Thành, huyện Lương Pù	Xã Tân Thành	Sản lập mới hàng	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	3.075			3.075						2.700			2.700						
C	VĂN HOA, THÔNG TIN					1.202	0	0	1.202	0	0	0	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	0
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lương Pù					1.202	0	0	1.202	0	0	0	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	0
	Dự án khác công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.202	0	0	1.202	0	0	0	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	0
1	Nâng cấp, sửa chữa Nhà văn hóa Quốc Hương, huyện Uy Lương Pù	TT Lương Pù	Nâng cấp, sửa chữa các hạng mục	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	1.202			1.202						1.050			1.050						
D	GAO THÔNG					12.166	0	0	12.166	0	7.166	0	0	7.166	7.166	0	0	7.166	2.605	0	2.605	0	0	0
1	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lương Pù					12.166	0	0	12.166	0	7.166	0	0	7.166	7.166	0	0	7.166	2.605	0	2.605	0	0	0
	Dự án khác công mới trong giai đoạn 2021-2025					12.166	0	0	12.166	0	7.166	0	0	7.166	7.166	0	0	7.166	2.605	0	2.605	0	0	0
1	Đường dẫn nội công xã Rạch Mập, xã Sông Phung, huyện Lương Pù	Xã Sông Phung	Tổng chiều dài 421,2m (gồm nội dài 66,2m, khu vực nội dài 355m, rộng 3,5m)	2024-2025	982/QĐ-UBND, 18/5/2024	12.166			12.166		7.166			7.166	7.166			7.166	2.605		2.605			
	Dự án khác công mới trong giai đoạn 2021-2025					12.166	0	0	12.166	0	7.166	0	0	7.166	7.166	0	0	7.166	2.605	0	2.605	0	0	0
E	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC					1.188	0	0	1.188	0	0	0	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	0
1	Hệ thống dẫn nước sông Dông, tỉnh 93AB, huyện xã Lương Pù	Xã Tân Thành và xã Lương Pù	Chiều dài lập đầu hệ thống nước sông, khoảng 1.855m (đầu nước xã Tân Thành 1.017m, đầu nước xã Lương Pù 838m)	2025	30/QĐ-UBND, 20/11/2024	1.188			1.188						1.050			1.050						
	Dự án khác công mới trong giai đoạn 2021-2025					1.188	0	0	1.188	0	0	0	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	1.050	0	0	0
E	KHÁC					8.659	0	0	8.659	0	0	0	0	0	8.454	0	0	8.454	0	0	8.454	0	0	0
1	Thị trấn các khu vực phi khác, xã Tân Thành, huyện Lương Pù					8.659	0	0	8.659	0	0	0	0	0	8.454	0	0	8.454	0	0	8.454	0	0	0

[illegible]

[illegible]